

Hà Nội, ngày 07 tháng 08 năm 2025

THƯ MỜI CHÀO GIÁ

Về việc chào giá dự toán mua sắm:
May sắm đồ vải bệnh nhân và đồ vải phẫu thuật

Kính gửi:

- Các nhà thầu cung cấp;
- Các nhà thầu tư vấn đấu thầu.

Bệnh viện Đa khoa Xanh Pôn có kế hoạch triển khai thực hiện công việc: May sắm đồ vải bệnh nhân và đồ vải phẫu thuật. Thuộc dự toán mua sắm: May sắm đồ vải bệnh nhân và đồ vải phẫu thuật.

Trân trọng mời các nhà thầu quan tâm, chào giá theo các nội dung yêu cầu như sau:

- Chi phí cung cấp cho dự toán mua sắm: May sắm đồ vải bệnh nhân và đồ vải phẫu thuật.

(kèm theo phụ lục: danh mục, số lượng)

- Chi phí tư vấn đấu thầu cho việc mua sắm trên:
- + Tư vấn lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu;
- + Tư vấn thẩm định hồ sơ mời thầu, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu.

(kèm theo phụ lục: danh mục chi phí cho công tác tư vấn đấu thầu)

1. Mục đích: Làm căn cứ lập chi phí cho dự toán mua sắm: May sắm đồ vải bệnh nhân và đồ vải phẫu thuật và tư vấn đấu thầu gói thầu trên.

2. Nội dung yêu cầu:

Chào giá gồm 02 phần chính: Năng lực và tài chính

2.1. Yêu cầu về năng lực nhà thầu *(nếu có, không bắt buộc nộp cùng)*:

- Có đăng ký kinh doanh phù hợp
- Có giấy phép hoạt động ngành nghề theo quy định *(nếu có)*
- Giới thiệu về năng lực, kinh nghiệm nhà thầu.

2.2. Về số lượng và yêu cầu kỹ thuật: *(có phụ lục kèm theo)*

2.3. Yêu cầu về giá:

- Về giá: Giá nhà thầu chào đã bao gồm đầy đủ các chi phí để hoàn thành công việc cung cấp hàng hóa, như: Các loại thuế, phí theo quy định, các nội dung

khác theo quy định của pháp luật để hoàn thành công việc theo yêu cầu của Bệnh viện Đa khoa Xanh Pôn, không trái pháp luật; theo bảng phụ lục, phần danh mục, số lượng, yêu cầu kỹ thuật và danh mục chi phí tư vấn đầu thầu.

- Địa điểm giao hàng: Bệnh viện Đa khoa Xanh Pôn (số 12, Chu Văn An, phường Ba Đình, Thành phố Hà Nội).

2.3. Các yêu cầu khác:

Bệnh viện Đa khoa Xanh Pôn kính mời các nhà thầu có khả năng cung cấp cho dự toán mua sắm: Máy sắm đồ vải bệnh nhân và đồ vải phẫu thuật. Quan tâm và gửi chào giá đến Bệnh viện:

- Thời gian thực hiện dự toán mua sắm: 12 tháng
- Thời gian thực hiện các công việc tư vấn: 60 ngày (thực tế thực hiện)
- Thời gian gửi chào giá: trong thời hạn 12 ngày làm việc, kể từ ngày Thư mời chào giá được đăng trên trang mạng thông tin của Bệnh viện Đa khoa Xanh Pôn.

- Nơi tiếp nhận chào giá:

+ Bộ phận văn thư (phòng 107 nhà B1) - Bệnh viện Đa khoa Xanh Pôn (địa chỉ: số 12, Chu Văn An, phường Ba Đình, Hà Nội).

+ Thường trực giải quyết công việc: Phòng Hành chính Quản trị - Bệnh viện Đa khoa Xanh Pôn (nhà B1).

- Nhà thầu sẽ được Bệnh viện Đa khoa Xanh Pôn, liên hệ qua các hình thức như: điện thoại, Email, Fax hoặc bằng văn bản để thông báo và trao đổi các nội dung liên quan đến công việc (nếu cần).

Bệnh viện Đa khoa Xanh Pôn, kính mời các nhà thầu; quan tâm gửi chào giá theo thời gian và địa điểm nêu trên./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Giám đốc;
- Lưu VT, HCQT.

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Trần Liên Hương

PHỤ LỤC: DANH MỤC, SỐ LƯỢNG MỜI CHÀO GIÁ

(Kèm theo Thư mời chào giá ngày 07 / 08 / 2025 của Bệnh viện Đa khoa Xanh Pôn)

Sтт	Tên loại trang phục	Đơn vị tính	Số lượng	Thông số kỹ thuật
I.	ĐỒ VẢI NGƯỜI BỆNH, PHỤC VỤ CHUYÊN MÔN			
1	Áo bệnh nhân trẻ em	Cái	304.0	Chất liệu: Vải kaki Màu sắc: nền trắng họa tiết lá xanh Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 65±1; Cotton 35 ±1 Khối lượng vải (g/m ²) 158±2 Mật độ vải (Sợi/10cm) 288x222 ±2 Sự thay đổi kích thước sau giặt 40°C và làm khô (%) (DxN) (-1,0)x(-1,0)±0.5 Độ bền xé rách (N) (DxN) 51x40 ±2 Độ bền màu giặt (Cấp) 4-5 Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): k.p.h Quy cách may: Áo kiểu pyjama, cổ 2 ve, cài cúc giữa, dài tay, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 3 túi. Có in logo Bệnh viện
2	Quần bệnh nhân trẻ em	Cái	225.0	Chất liệu: Vải thô Màu sắc: nền trắng họa tiết lá xanh Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 65±1; Cotton 35 ±1 Khối lượng vải (g/m ²) 158±2 Mật độ vải (Sợi/10cm) 288x222 ±2 Sự thay đổi kích thước sau giặt 40°C và làm khô (%) (DxN) (-1,0)x(-1,0)±0.5 Độ bền xé rách (N) (DxN) 51x40 ±2 Độ bền màu giặt (Cấp) 4-5 Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): k.p.h Quy cách may: Quần kiểu pyjama cạp chun, có 1 túi sau

Stt	Tên loại trang phục	Đơn vị tính	Số lượng	Thông số kỹ thuật
3	Áo bệnh nhân người lớn	Cái	1,069.0	Chất liệu: Vải kaki Màu sắc : nền trắng họa tiết lá xanh Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 65±1; Cotton 35 ±1 Khối lượng vải (g/m²) 158±2 Mật độ vải (Sợi/10cm) 288x222 ±2 Sự thay đổi kích thước sau giặt 40°C và làm khô (%) (DxN) (-1,0)x(-1,0)±0.5 Độ bền xé rách (N) (DxN) 51x40 ±2 Độ bền màu giặt (Cấp) 4-5 Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): k.p.h Quy cách may: Áo kiểu pyjama, cổ 2 ve, cài cúc giữa, dài tay, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 3 túi. Có in logo Bệnh viện
4	Quần bệnh nhân người lớn	Chiếc	1,034.0	Chất liệu: Vải kaki Màu sắc : nền trắng họa tiết lá xanh Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 65±1; Cotton 35 ±1 Khối lượng vải (g/m²) 158±2 Mật độ vải (Sợi/10cm) 288x222 ±2 Sự thay đổi kích thước sau giặt 40°C và làm khô (%) (DxN) (-1,0)x(-1,0)±0.5 Độ bền xé rách (N) (DxN) 51x40 ±2 Độ bền màu giặt (Cấp) 4-5 Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): k.p.h Quy cách may: Quần kiểu pyjama, cạp chun, có 1 túi sau.

Stt	Tên loại trang phục	Đơn vị tính	Số lượng	Thông số kỹ thuật
5	Áo bệnh nhân trẻ em - phòng Dịch vụ	Cái	103.0	Chất liệu: Vải kaki Màu sắc : nền trắng họa tiết lá xanh Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 65±1; Cotton 35 ±1 Khối lượng vải (g/m²) 158±2 Mật độ vải (Sợi/10cm) 288x222 ±2 Sự thay đổi kích thước sau giặt 40°C và làm khô (%) (DxN) (-1,0)x(-1,0)±0.5 Độ bền xé rách (N) (DxN) 51x40 ±2 Độ bền màu giặt (Cấp) 4-5 Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): k.p.h Quy cách may: Áo kiểu pyjama, cổ 2 ve, cài cúc giữa, dài tay, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 3 túi. Có in logo Bệnh viện
6	Quần bệnh nhân trẻ em - phòng dịch vụ	Chiếc	103.0	Chất liệu: Vải kaki Màu sắc : nền trắng họa tiết xanh Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 65±1; Cotton 35 ±1 Khối lượng vải (g/m²) 158±2 Mật độ vải (Sợi/10cm) 288x222 ±2 Sự thay đổi kích thước sau giặt 40°C và làm khô (%) (DxN) (-1,0)x(-1,0)±0.5 Độ bền xé rách (N) (DxN) 51x40 ±2 Độ bền màu giặt (Cấp) 4-5 Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): k.p.h Quy cách may: Quần kiểu pyjama cạp chun, có 1 túi sau

Stt	Tên loại trang phục	Đơn vị tính	Số lượng	Thông số kỹ thuật
7	Áo bệnh nhân người lớn- phòng Dịch vụ	Cái	493.0	Chất liệu: Vải kaki Màu sắc : nền trắng họa tiết lá xanh Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 65±1; Cotton 35 ±1 Khối lượng vải (g/m²) 158±2 Mật độ vải (Sợi/10cm) 288x222 ±2 Sự thay đổi kích thước sau giặt 40°C và làm khô (%) (DxN) (-1,0)x(-1,0)±0.5 Độ bền xé rách (N) (DxN) 51x40 ±2 Độ bền màu giặt (Cấp) 4-5 Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): k.p.h Quy cách may: Quần kiểu pyjama cạp chun, có 1 túi sau
8	Quần bệnh nhân người lớn- phòng dịch vụ	Chiếc	763.0	Chất liệu: Vải thô Màu sắc: nền trắng họa tiết lá xanh Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 87±1; Cotton 13 ±1 Khối lượng vải (g/m²) 169 ±2 Mật độ vải (Sợi/10cm) DxN: 281x228 ±2 Độ bền màu giặt (Cấp) 4-5 Quy cách may: Theo Thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015 của BYT
9	Áo Bệnh nhân HSCC trẻ em	Cái	225.0	Chất liệu: Vải kaki Màu sắc : nền trắng họa tiết lá xanh Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 65±1; Cotton 35 ±1 Khối lượng vải (g/m²) 158±2 Mật độ vải (Sợi/10cm) 288x222 ±2 Sự thay đổi kích thước sau giặt 40°C và làm khô (%) (DxN) (-1,0)x(-1,0)±0.5 Độ bền xé rách (N) (DxN) 51x40 ±2 Độ bền màu giặt (Cấp) 4-5 Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): k.p.h

Stt	Tên loại trang phục	Đơn vị tính	Số lượng	Thông số kỹ thuật
				Quy cách may: Áo choàng dài qua gối, có dây buộc Có in logo Bệnh viện
10	Áo mổ trẻ em	Cái	130.0	Chất liệu: Vải kate Màu sắc: nền trắng họa tiết hoa Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 66±1; Cotton 34 ±1 Khối lượng vải (g/m²) 116 ±2 Mật độ vải (Sợi/10cm) DxN: 464x304 ±2 Thay đổi kích thước sau giặt 40°C và làm khô (%) DxN: -1,0 x 0 (±0,5) Độ bền màu giặt (Cấp) 4-5 Quy cách may: Áo cổ tròn dài qua gối Có in logo Bệnh viện
11	Áo choàng HSCC người lớn	Cái	384.0	Chất liệu: Vải kaki Màu sắc : nền trắng họa tiết lá xanh Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 65±1; Cotton 35 ±1 Khối lượng vải (g/m²) 158±2 Mật độ vải (Sợi/10cm) 288x222 ±2 Sự thay đổi kích thước sau giặt 40°C và làm khô (%) (DxN) (-1,0)x(-1,0)±0.5 Độ bền xé rách (N) (DxN) 51x40 ±2 Độ bền màu giặt (Cấp) 4-5 Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): k.p.h Quy cách may: Áo choàng dài qua gối, có dây buộc Có in logo Bệnh viện

Stt	Tên loại trang phục	Đơn vị tính	Số lượng	Thông số kỹ thuật
12	Áo dành cho NB đi mổ người lớn	Cái	343.0	Chất liệu: Vải kate Màu sắc: nền trắng họa tiết hoa Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 66±1; Cotton 34 ±1 Khối lượng vải (g/m²) 116 ±2 Mật độ vải (Sợi/10cm) DxN: 464x304 ±2 Thay đổi kích thước sau giặt 40°C và làm khô (%) DxN: -1,0 x 0 (±0,5) Độ bền màu giặt (Cấp) 4-5 Quy cách may: Áo cổ tròn dài qua gối Có in logo Bệnh viện
13	Quần dành cho NB đi mổ người lớn	Cái	220.0	- Chất liệu: Vải kaki Màu sắc: nền trắng họa tiết lá xanh Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 65±1; Cotton 35 ±1 Khối lượng vải (g/m²) 158±2 Mật độ vải (Sợi/10cm) 288x222 ±2 Sự thay đổi kích thước sau giặt 40°C và làm khô (%) (DxN) (-1,0)x(-1,0)±0.5 Độ bền xé rách (N) (DxN) 51x40 ±2 Độ bền màu giặt (Cấp) 4-5 Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): k.p.h Quy cách may: Quần kiểu pyjama cạp chun, có 1 túi sau.
14	Áo dành cho bệnh nhân truyền dịch	Cái	274.0	Chất liệu: Vải kate Màu sắc: nền trắng họa tiết hoa Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 66±1; Cotton 34 ±1 Khối lượng vải (g/m²) 116 ±2 Mật độ vải (Sợi/10cm) DxN: 464x304 ±2 Thay đổi kích thước sau giặt 40°C và làm khô (%) DxN: -1,0 x 0 (±0,5) Độ bền màu giặt (Cấp) 4-5

Stt	Tên loại trang phục	Đơn vị tính	Số lượng	Thông số kỹ thuật
15	Áo người nhà bệnh nhân	Cái	144.0	Quy cách may: Cúc bấm để mở ra dễ dàng cho việc truyền dịch. Logo bệnh viện in phía ngực trái của áo. Chất liệu: Vải thô Màu sắc: màu xanh ngọc Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 68±1; Cotton 32 ±1 Khối lượng vải (g/m²) 172 ±2 Mật độ vải (Sợi/10cm) DxN: 276x288 ±2 Chỉ số sợi tách từ vải(Ne) DxN: (44x 46)/2±2 Quy cách may: Áo cổ tròn, cài cúc giữa, dài tay, chiều dài áo dưới gối 5 - 10cm, phía trước có 3 túi, phía sau xẻ giữa tới ngang mông. Có in logo Bệnh viện
16	Quần dài, mở khuy	Cái	116.0	Chất liệu: Vải kaki Màu sắc : nền trắng họa tiết hoa Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 65±1; Cotton 35 ±1 Khối lượng vải (g/m²) 158±2 Mật độ vải (Sợi/10cm) 288x222 ±2 Sự thay đổi kích thước sau giặt 40°C và làm khô (%) (DxN) (-1,0)x(-1,0)±0.5 Độ bền xé rách (N) (DxN) 51x40 ±2 Độ bền màu giặt (Cấp) 4-5 Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): k.p.h Quy cách may: Quần pijama dài có mở khuy

Stt	Tên loại trang phục	Đơn vị tính	Số lượng	Thông số kỹ thuật
17	Quần dành cho bệnh nhân nội soi đại tràng	Cái	160.0	Chất liệu: Vải kaki Màu sắc : nền trắng họa tiết hoa Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 65±1; Cotton 35 ±1 Khối lượng vải (g/m²) 158±2 Mật độ vải (Sợi/10cm) 288x222 ±2 Sự thay đổi kích thước sau giặt 40°C và làm khô (%) (DxN) (-1,0)x(-1,0)±0.5 Độ bền xé rách (N) (DxN) 51x40 ±2 Độ bền màu giặt (Cấp) 4-5 Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): k.p.h Quy cách may: Quần pijama dài có khoát lỗ đũng
18	Ga giường	Cái	2,877.0	Chất liệu: kaki Màu sắc: màu trắng Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 66±1; Cotton 34 ±1 Khối lượng vải (g/m²) 206 ±2 Mật độ vải (Sợi/10cm) DxN:426x222 ±2 Độ bền xé rách (N) (DxN) 79x46 ±2 Sự thay đổi kích thước sau giặt 40°C và làm khô (%) (DxN) (-1,5)x(-0,5)±0.2 Độ bền màu giặt (Cấp) 4-5 Quy cách may : may xung quanh đường may 0,7cm , của chần có đính cúc Có in logo bệnh viện

11/2/2024 1=1

Stt	Tên loại trang phục	Đơn vị tính	Số lượng	Thông số kỹ thuật
19	Ga cáng đa tư thế 180*55*5cm	Cái	337.0	Chất liệu: kaki Màu sắc: màu trắng Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 66±1; Cotton 34 ±1 Khối lượng vải (g/m²) 206 ±2 Mật độ vải (Sợi/10cm) 426x222 ±2 Độ bền xé rách (N) (DxN) 79x46 ±2 Sự thay đổi kích thước sau giặt 40°C và làm khô (%) (DxN) (-1,5)x(-0,5)±0.2 Độ bền màu giặt (Cấp) 4-5 Quy cách may : may chun xung quanh đường may 0,7cm Có in logo bệnh viện
20	Ga củi 115x60x10cm	Cái	136.0	Chất liệu: kaki Màu sắc: màu trắng Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 66±1; Cotton 34 ±1 Khối lượng vải (g/m²) 206 ±2 Mật độ vải (Sợi/10cm) 426x222 ±2 Độ bền xé rách (N) (DxN) 79x46 ±2 Sự thay đổi kích thước sau giặt 40°C và làm khô (%) (DxN) (-1,5)x(-0,5)±0.2 Độ bền màu giặt (Cấp) 4-5 Quy cách may : may chung xung quanh đường may 0,7cm Có in logo bệnh viện

Stt	Tên loại trang phục	Đơn vị tính	Số lượng	Thông số kỹ thuật
21	Ga giường khám: 70*190*5cm	Cái	284.0	Chất liệu: kaki Màu sắc: màu trắng Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 66±1; Cotton 34 ±1 Khối lượng vải (g/m²) 206 ±2 Mật độ vải (Sợi/10cm) 426x222 ±2 Độ bền xé rách (N) (DxN) 79x46 ±2 Sự thay đổi kích thước sau giặt 40°C và làm khô (%) (DxN) (-1,5)x(-0,5)±0.2 Độ bền màu giặt (Cấp) 4-5 Quy cách may : may chung xung quanh đường may 0,7cm Có in logo bệnh viện
22	Chăn hè thu: 160 *200cm	Cái	321.0	Chất liệu: kaki Màu sắc: xanh hòa bình Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Cotton 100 Khối lượng vải (g/m²) 266 ±2 Mật độ vải (Sợi/10cm) DxN:454x202 ±2 Độ bền xé rách (N) (DxN) 9x9 ±2 Sự thay đổi kích thước sau giặt 40°C và làm khô (%) (DxN) (-4,5)x(-2)±0.5 Độ bền màu giặt (Cấp) 4-5 Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): k.p.h Quy cách may: chần trần trảm

Stt	Tên loại trang phục	Đơn vị tính	Số lượng	Thông số kỹ thuật
23	Vỏ chăn sơ sinh	Cái	149.0	Chất liệu: kaki Màu sắc: màu trắng Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 66±1; Cotton 34 ±1 Khối lượng vải (g/m²) 206 ±2 Mật độ vải (Sợi/10cm) DxN:426x222 ±2 Độ bền xé rách (N) (DxN) 79x46 ±2 Sự thay đổi kích thước sau giặt 40°C và làm khô (%) (DxN) (-1,5)x(-0,5)±0.2 Độ bền màu giặt (Cấp) 4-5 Quy cách may : may xung quanh đường may 0,7cm , cửa chần có đính cúc Có in logo bệnh viện
24	Vỏ gối: 40*62cm	Cái	547.0	Chất liệu: kaki Màu sắc: xanh hòa bình Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Cotton 100 Khối lượng vải (g/m²) 266 ±2 Mật độ vải (Sợi/10cm) DxN:454x202 ±2 Độ bền xé rách (N) (DxN) 9x9 ±2 Sự thay đổi kích thước sau giặt 40°C và làm khô (%) (DxN) (-4,5)x(-2)±0.5 Độ bền màu giặt (Cấp) 4-5 Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): k.p.h Quy cách may: Vỏ gối chần trảm Có in logo bệnh viện

Stt	Tên loại trang phục	Đơn vị tính	Số lượng	Thông số kỹ thuật
25	Ruột gói	Cái	165.0	Chất liệu: Bông siêu nhẹ, vỏ vải polyester Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 100 Khối lượng vải (g/m^2) 132 ± 2 Mật độ vải (Sợi/10cm) DxN: $500 \times 338 \pm 2$ Độ bền xé rách (N) (DxN) $27 \times 20 \pm 2$ Sự thay đổi kích thước sau giặt 40°C và làm khô (%) (DxN) $(0) \times (-0,5) \pm 0.5$ Quy cách Khối lượng: 0,5kg/cái Kích cỡ: 40 cm x 60cm
26	Khăn trải nội soi 100*75cm	Cái	490.0	Chất liệu: Vải kaki Màu sắc : Xanh lá cây Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 65 ± 1 ; Cotton 35 ± 1 Khối lượng vải (g/m^2) 225 ± 2 Mật độ vải (Sợi/10cm) $480 \times 224 \pm 2$ Sự thay đổi kích thước sau giặt 40°C và làm khô (%) (DxN) $(-0,5) \times (-0,5) \pm 0.5$ Độ bền xé rách (N) (DxN) $75 \times 45 \pm 2$ Độ bền màu giặt (Cấp) 4-5 Quy cách may: may xung quanh đường may 0,7cm Có in logo Bệnh viện



Stt	Tên loại trang phục	Đơn vị tính	Số lượng	Thông số kỹ thuật
27	Khăn trải phục vụ chuyên môn tại khoa KSNK (1,4 x 1,8m)	Cái	83.0	Chất liệu: Vải kaki Màu sắc : Xanh lá cây Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 65±1; Cotton 35 ±1 Khối lượng vải (g/m²) 225±2 Mật độ vải (Sợi/10cm) 480x224 ±2 Sự thay đổi kích thước sau giặt 40°C và làm khô (%) (DxN) (-0,5)x(-0,5)±0.5 Độ bền xé rách (N) (DxN) 75x45 ±2 Độ bền màu giặt (Cấp) 4-5 Quy cách may: may xung quanh đường may 0,7cm Có in logo Bệnh viện
28	Săng đơn 0,65x0,65 có lỗ	Cái	325.0	Chất liệu: Vải kaki Màu sắc : Xanh lá cây Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 65±1; Cotton 35 ±1 Khối lượng vải (g/m²) 225±2 Mật độ vải (Sợi/10cm) 480x224 ±2 Sự thay đổi kích thước sau giặt 40°C và làm khô (%) (DxN) (-0,5)x(-0,5)±0.5 Độ bền xé rách (N) (DxN) 75x45 ±2 Độ bền màu giặt (Cấp) 4-5 Quy cách may: may xung quanh đường may 0,7cm Có in logo Bệnh viện

Stt	Tên loại trang phục	Đơn vị tính	Số lượng	Thông số kỹ thuật
29	Săng đơn 0,65x0,65 không lỗ	Cái	688.0	Chất liệu: Vải kaki Màu sắc : Xanh lá cây Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 65±1; Cotton 35 ±1 Khối lượng vải (g/m²) 225±2 Mật độ vải (Sợi/10cm) 480x224 ±2 Sự thay đổi kích thước sau giặt 40°C và làm khô (%) (DxN) (-0,5)x(-0,5)±0.5 Độ bền xé rách (N) (DxN) 75x45 ±2 Độ bền màu giặt (Cấp) 4-5 Quy cách may: may xung quanh đường may 0,7cm Có in logo Bệnh viện
30	Khăn phủ xe tiêm 75*55*95cm	Cái	41.0	Chất liệu: Vải kaki Màu sắc : Xanh lá cây Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 65±1; Cotton 35 ±1 Khối lượng vải (g/m²) 225±2 Mật độ vải (Sợi/10cm) 480x224 ±2 Sự thay đổi kích thước sau giặt 40°C và làm khô (%) (DxN) (-0,5)x(-0,5)±0.5 Độ bền xé rách (N) (DxN) 75x45 ±2 Độ bền màu giặt (Cấp) 4-5 Quy cách may: may xung quanh đường may 0,7cm Có in logo Bệnh viện

Stt	Tên loại trang phục	Đơn vị tính	Số lượng	Thông số kỹ thuật
31	Túi đựng đồ vải (150x110x80cm)	Chiếc	357.0	Chất liệu: Vải Kaki Màu sắc: ghi Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 87±1; Cotton 13 ±1 Khối lượng vải (g/m²) 204 ±2 Mật độ vải (Sợi/10cm) DxN: 398x210 ±2 Thay đổi kích thước sau giặt 40°C và làm khô (%) DxN: -1,0 x -0,5 (±0,5) Độ bền màu giặt (cấp) : 4-5 Quy cách may : may xung quanh miệng có dây rút
32	Võ chắn người lớn	Cái	538.0	Chất liệu: kaki Màu sắc: màu trắng Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 66±1; Cotton 34 ±1 Khối lượng vải (g/m²) 206 ±2 Mật độ vải (Sợi/10cm) DxN:426x222 ±2 Độ bền xé rách (N) (DxN) 79x46 ±2 Sự thay đổi kích thước sau giặt 40°C và làm khô (%) (DxN) (-1,5)x(-0,5)±0.2 Độ bền màu giặt (Cấp) 4-5 Quy cách may : may xung quanh đường may 0,7cm , cửa chắn có đính cúc Có in logo bệnh viện
33	Màn tuyền	Cái	83.0	Chất liệu: Vải màn Tiêu chuẩn vải: Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 100; Khối lượng vải (g/m²) 80 (±2) Mật độ (lỗ/inch²): 75 (±2); Độ bền nổ (kPa): 876 Sự thay đổi kích thước sau giặt 40°C và làm khô (%) (DxN) (-5,5)x(-1,0)±0.2 Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h.

Stt	Tên loại trang phục	Đơn vị tính	Số lượng	Thông số kỹ thuật
II. ĐỒ VẢI TRUNG TÂM KỸ THUẬT CAO				
1	Áo người bệnh người lớn	Cái	286.0	Chất liệu: Vải kaki Màu sắc : nền trắng họa tiết nâu Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 65±1; Cotton 35 ±1 Khối lượng vải (g/m2) 158±2 Mật độ vải (Sợi/10cm) 288x222 ±2 Sự thay đổi kích thước sau giặt 40oC và làm khô (%) (DxN) (-1,0)x(-1,0)±0.5 Độ bền xé rách (N) (DxN) 51x40 ±2 Độ bền màu giặt (Cấp) 4-5 Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): k.p.h Quy cách may: Theo Thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015 của BYT Có in logo Bệnh viện
2	Quần người bệnh	Cái	286.0	Chất liệu: Vải kaki Màu sắc : nền trắng họa tiết nâu Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 65±1; Cotton 35 ±1 Khối lượng vải (g/m2) 158±2 Mật độ vải (Sợi/10cm) 288x222 ±2 Sự thay đổi kích thước sau giặt 40oC và làm khô (%) (DxN) (-1,0)x(-1,0)±0.5 Độ bền xé rách (N) (DxN) 51x40 ±2 Độ bền màu giặt (Cấp) 4-5 Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): k.p.h Quy cách may: Theo Thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015 của BYT

Sst	Tên loại trang phục	Đơn vị tính	Số lượng	Thông số kỹ thuật
3	Áo người bệnh trẻ em	Cái	21.0	Chất liệu: Vải kaki Màu sắc : nền trắng họa tiết nâu Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 65±1; Cotton 35 ±1 Khối lượng vải (g/m2) 158±2 Mật độ vải (Sợi/10cm) 288x222 ±2 Sự thay đổi kích thước sau giặt 40oC và làm khô (%) (DxN) (-1,0)x(-1,0)±0.5 Độ bền xé rách (N) (DxN) 51x40 ±2 Độ bền màu giặt (Cấp) 4-5 Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): k.p.h Quy cách may: Theo Thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015 của BYT Có in logo Bệnh viện
4	Quần người bệnh trẻ em	Cái	21.0	Chất liệu: Vải kaki Màu sắc : nền trắng họa tiết nâu Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 65±1; Cotton 35 ±1 Khối lượng vải (g/m2) 158±2 Mật độ vải (Sợi/10cm) 288x222 ±2 Sự thay đổi kích thước sau giặt 40oC và làm khô (%) (DxN) (-1,0)x(-1,0)±0.5 Độ bền xé rách (N) (DxN) 51x40 ±2 Độ bền màu giặt (Cấp) 4-5 Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): k.p.h Quy cách may: Theo Thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015 của BYT

Stt	Tên loại trang phục	Đơn vị tính	Số lượng	Thông số kỹ thuật
5	Áo choàng người bệnh NL	Cái	18.0	Chất liệu: Vải kaki Màu sắc : nền trắng họa tiết nâu Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 65±1; Cotton 35 ±1 Khối lượng vải (g/m2) 158±2 Mật độ vải (Sợi/10cm) 288x222 ±2 Sự thay đổi kích thước sau giặt 40oC và làm khô (%) (DxN) (-1,0)x(-1,0)±0.5 Độ bền xé rách (N) (DxN) 51x40 ±2 Độ bền màu giặt (Cấp) 4-5 Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): k.p.h Quy cách may: Áo choàng qua gối Có in logo Bệnh viện
6	Áo người bệnh nội soi đại tràng	Cái	105.0	Chất liệu: Vải kaki Màu sắc : nền trắng họa tiết nâu Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 65±1; Cotton 35 ±1 Khối lượng vải (g/m2) 158±2 Mật độ vải (Sợi/10cm) 288x222 ±2 Sự thay đổi kích thước sau giặt 40oC và làm khô (%) (DxN) (-1,0)x(-1,0)±0.5 Độ bền xé rách (N) (DxN) 51x40 ±2 Độ bền màu giặt (Cấp) 4-5 Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): k.p.h Quy cách may: Theo Thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015 của BYT Có in logo Bệnh viện

Stt	Tên loại trang phục	Đơn vị tính	Số lượng	Thông số kỹ thuật
7	Quần nội sợi đại trắng	Cái	105.0	Chất liệu: Vải kaki Màu sắc : nền trắng họa tiết nâu Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 65±1; Cotton 35 ±1 Khối lượng vải (g/m2) 158±2 Mật độ vải (Sợi/10cm) 288x222 ±2 Sự thay đổi kích thước sau giặt 40oC và làm khô (%) (DxN) (-1,0)x(-1,0)±0.5 Độ bền xé rách (N) (DxN) 51x40 ±2 Độ bền màu giặt (Cấp) 4-5 Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): k.p.h Quy cách may: Quần pijama có khoét đũng
8	Áo cho NB chụp XQ	Cái	125.0	Chất liệu: Vải kaki Màu sắc : nền trắng họa tiết nâu Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 65±1; Cotton 35 ±1 Khối lượng vải (g/m2) 158±2 Mật độ vải (Sợi/10cm) 288x222 ±2 Sự thay đổi kích thước sau giặt 40oC và làm khô (%) (DxN) (-1,0)x(-1,0)±0.5 Độ bền xé rách (N) (DxN) 51x40 ±2 Độ bền màu giặt (Cấp) 4-5 Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): k.p.h Quy cách may: Theo Thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015 của BYT Có in logo Bệnh viện

13/01/2016

Stt	Tên loại trang phục	Đơn vị tính	Số lượng	Thông số kỹ thuật
9	Quần cho NB chụp XQ	Cái	125.0	Chất liệu: Vải kaki Màu sắc : nền trắng họa tiết nâu Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 65±1; Cotton 35 ±1 Khối lượng vải (g/m2) 158±2 Mật độ vải (Sợi/10cm) 288x222 ±2 Sự thay đổi kích thước sau giặt 40oC và làm khô (%) (DxN) (-1,0)x(-1,0)±0.5 Độ bền xé rách (N) (DxN) 51x40 ±2 Độ bền màu giặt (Cấp) 4-5 Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): k.p.h Quy cách may: Quần pijama cặp chun
10	Ga giường chun	Cái	283.0	Chất liệu: kaki Màu sắc: trắng Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Cotton 100 Khối lượng vải (g/m2) 200 ±2 Mật độ vải (Sợi/10cm) DxN:448x208 ±2 Sự thay đổi kích thước sau giặt 40oC và làm khô (%) (DxN) (-7)x(-1,5)±0.5 Độ bền màu giặt (Cấp) 4-5 Quy cách may : may chun xung quanh đường may 0,7cm Có in logo Bệnh viện

Stt	Tên loại trang phục	Đơn vị tính	Số lượng	Thông số kỹ thuật
11	Săng mỗ đúp trái bàn mỗ 2,2m x 1,2m	Cái	140.0	Chất liệu: Vải kaki Màu sắc : Xanh lá cây Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 65±1; Cotton 35 ±1 Khối lượng vải (g/m2) 225±2 Mật độ vải (Sợi/10cm) 480x224 ±2 Sự thay đổi kích thước sau giặt 40oC và làm khô (%) (DxN) (-0,5)x(-0,5)±0.5 Độ bền xé rách (N) (DxN) 75x45 ±2 Độ bền màu giặt (Cấp) 4-5 Quy cách may: may xung quanh đường may 0,7cm Có in logo Bệnh viện
12	Khăn gói dụng cụ 1m x1m	Cái	96.0	Chất liệu: Vải Kaki Màu sắc: ghi Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 87±1; Cotton 13 ±1 Khối lượng vải (g/m2) 204 ±2 Mật độ vải (Sợi/10cm) DxN: 398x210 ±2 Thay đổi kích thước sau giặt 40oC và làm khô (%) DxN: -1,0 x -0,5 (±0,5) Độ bền màu giặt (cấp) : 4-5 Quy cách may: may xung quanh 2 lớp đường may 0,7cm có trần trám Có in logo bệnh viện

Stt	Tên loại trang phục	Đơn vị tính	Số lượng	Thông số kỹ thuật
13	Chăn hè thu	Cái	154.0	Chất liệu: kaki Màu sắc: xanh hòa bình Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Cotton 100 Khối lượng vải (g/m²) 266 ±2 Mật độ vải (Sợi/10cm) DxN:454x202 ±2 Độ bền xé rách (N) (DxN) 9x9 ±2 Sự thay đổi kích thước sau giặt 40oC và làm khô (%) (DxN) (-4,5)x(-2)±0.5 Độ bền màu giặt (Cấp) 4-5 Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): k.p.h Quy cách may: chần trần trảm Có in logo bệnh viện
14	Ruột gói	Cái	136.0	Chất liệu: Bông siêu nhẹ, vỏ vải polyester Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 100 Khối lượng vải (g/m²) 132 ±2 Mật độ vải (Sợi/10cm) DxN: 500x338 ±2 Độ bền xé rách (N) (DxN) 27 x 20 ±2 Sự thay đổi kích thước sau giặt 40oC và làm khô (%) (DxN) (0)x(-0,5)±0.5 Quy cách - Khối lượng: 0,5kg/cái - Kích cỡ: 40 cm x 60cm

Stt	Tên loại trang phục	Đơn vị tính	Số lượng	Thông số kỹ thuật
15	Vỏ gói	Cái	334.0	Chất liệu: kaki Màu sắc: xanh hòa bình Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Cotton 100 Khối lượng vải (g/m ²) 266 ±2 Mật độ vải (Sợi/10cm) DxN:454x202 ±2 Độ bền xé rách (N) (DxN) 9x9 ±2 Sự thay đổi kích thước sau giặt 40oC và làm khô (%) (DxN) (-4,5)x(-2)±0.5 Độ bền màu giặt (Cấp) 4-5 Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): k.p.h Quy cách may: Vỏ gói chân trảm Có in logo bệnh viện
III. ĐỒ VẢI PHẪU THUẬT				
1	Áo choàng phòng tiết trùng	Cái	43	Chất liệu: thô Màu sắc: Xanh hòa bình Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 88±1; Cotton 12±1 Khối lượng vải (g/m ²) 173 ±2 Mật độ vải (Sợi/10cm) 296x228 ±2 Độ bền xé rách (N) DxN: 60 x 43 Sự thay đổi kích thước sau giặt 40oC và làm khô (%) (DxN) (-0,5)x(-0,5)±0.5 Độ bền màu giặt (Cấp) 4-5 Quy cách may : Áo choàng dài qua gối Có in logo bệnh viện

18/4 m. 12.11

Stt	Tên loại trang phục	Đơn vị tính	Số lượng	Thông số kỹ thuật
2	Áo mỡ	Cái	1,695	Chất liệu: Vải kaki Màu sắc : Xanh lá cây Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 65±1; Cotton 35 ±1 Khối lượng vải (g/m2) 225±2 Mật độ vải (Sợi/10cm) 480x224 ±2 Sự thay đổi kích thước sau giặt 40oC và làm khô (%) (DxN) (-0,5)x(-0,5)±0.5 Độ bền xé rách (N) (DxN) 75x45 ±2 Độ bền màu giặt (Cấp) 4-5 Quy cách may: Theo Thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015 của BYT Có in logo Bệnh viện
3	Áo tiện y	Cái	1,205	Chất liệu: Visco Màu sắc: Xanh cỏ vịt Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 65±1; Visco 35 ±1 Khối lượng vải (g/m2) 165 ±2 Mật độ vải (Sợi/10cm) 302x256 ±2 Độ bền xé rách (N) (DxN) 52x46 ±2 Sự thay đổi kích thước sau giặt 40oC và làm khô (%) (DxN) (-2,0)x(-2,0)±0.2 Độ bền màu giặt (Cấp) 4-5 Quy cách may: Theo Thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015 của BYT Có in logo Bệnh viện

11/03/2018

Stt	Tên loại trang phục	Đơn vị tính	Số lượng	Thông số kỹ thuật
4	Quần tiện y	Cái	1,205	Chất liệu: Visco Màu sắc: Xanh cổ vịt Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 65±1; Visco 35 ±1 Khối lượng vải (g/m2) 165 ±2 Mật độ vải (Sợi/10cm) 302x256 ±2 Độ bền xé rách (N) (DxN) 52x46 ±2 Sự thay đổi kích thước sau giặt 40oC và làm khô (%) (DxN) (-2,0)x(-2,0)±0.2 Độ bền màu giặt (Cấp) 4-5 Quy cách may: Theo Thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015 của BYT
5	Khẩu trang phòng mổ	Cái	960	Chất liệu: Visco Màu sắc: Xanh cổ vịt Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 65±1; Visco 35 ±1 Khối lượng vải (g/m2) 165 ±2 Mật độ vải (Sợi/10cm) 302x256 ±2 Độ bền xé rách (N) (DxN) 52x46 ±2 Sự thay đổi kích thước sau giặt 40oC và làm khô (%) (DxN) (-2,0)x(-2,0)±0.2 Độ bền màu giặt (Cấp) 4-5 Quy cách may: Khẩu trang 3 lớp vải
6	Mũ phòng mổ	Cái	960	Chất liệu: Visco Màu sắc: Xanh cổ vịt Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 65±1; Visco 35 ±1 Khối lượng vải (g/m2) 165 ±2 Mật độ vải (Sợi/10cm) 302x256 ±2 Độ bền xé rách (N) (DxN) 52x46 ±2 Sự thay đổi kích thước sau giặt 40oC và làm khô (%) (DxN) (-2,0)x(-2,0)±0.2 Độ bền màu giặt (Cấp) 4-5

Stt	Tên loại trang phục	Đơn vị tính	Số lượng	Thông số kỹ thuật
				Quy cách may: mũ trong 3 lớp vải
7	Khăn gói đồ vải phẫu thuật 1,5m x 1,5m	Cái	665	Chất liệu: Kaki Màu sắc: Xanh hòa bình Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 87±1; Cotton 13 ±1 Khối lượng vải (g/m²) 201 ±2 Mật độ vải (Sợi/10cm) 408x212 ±2 Sự thay đổi kích thước sau giặt 40oC và làm khô (%) (DxN) (-0,5)x(0)±0.5 Quy cách may : may 2 lớp xung quanh có trần trùm đường may 0,7cm Có in logo bệnh viện
8	Săng mỗ đúp 1,4m x 1,8m	Cái	1,140	- Chất liệu: Vải kaki - Màu sắc : Xanh lá cây Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 65±1; Cotton 35 ±1 Khối lượng vải (g/m²) 225±2 Mật độ vải (Sợi/10cm) 480x224 ±2 Sự thay đổi kích thước sau giặt 40oC và làm khô (%) (DxN) (-0,5)x(-0,5)±0.5 Độ bền xé rách (N) (DxN) 75x45 ±2 Độ bền màu giặt (Cấp) 4-5 Quy cách may: may xung quanh đường may 0,7cm Có in logo bệnh viện



Stt	Tên loại trang phục	Đơn vị tính	Số lượng	Thông số kỹ thuật
9	Săng mỗ đơn 1,4m x 1,8m	Cái	2,690	Chất liệu: Vải kaki Màu sắc : Xanh lá cây Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 65±1; Cotton 35 ±1 Khối lượng vải (g/m2) 225±2 Mật độ vải (Sợi/10cm) 480x224 ±2 Sự thay đổi kích thước sau giặt 40oC và làm khô (%) (DxN) (-0,5)x(-0,5)±0.5 Độ bền xé rách (N) (DxN) 75x45 ±2 Độ bền màu giặt (Cấp) 4-5 Quy cách may: may xung quanh đường may 0,7cm Có in logo bệnh viện

ANH
 NH V
 DA KH
 ANH

PHỤ LỤC: DANH MỤC CHI PHÍ CHO CÔNG TÁC TƯ VẤN ĐẦU THẦU

Dự toán mua sắm “May sắm đồ vải bệnh nhân và đồ vải phẫu thuật”

(Kèm theo Thư mời chào giá ngày 07/08/2025 của Bệnh viện Đa khoa Xanh Pôn)

Stt	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khối lượng
1	Tư vấn lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu	Dự toán mua sắm	1
2	Tư vấn thẩm định hồ sơ mời thầu và thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	Dự toán mua sắm	1

